



nóng zhuāng

农庄

noun · farm; farmstead

Example Sentences

Tā men zhōu mò qù nóng zhuāng zhāi shuǐ guǒ
他们周末去农庄摘水果。

They went to the farm to pick fruit on the weekend.

Zhè ge nóng zhuāng yǎng le hěn duō jī hé yáng
这个农庄养了很多鸡和羊。

This farm raises many chickens and sheep.

Trace each character, then write the word on your own.

农 农 农 农 农 农 农 农 农

庄 庄 庄 庄 庄 庄 庄 庄 庄